

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÙ MỸ  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST

Ngày 14-4-2022.

*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Bá Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Tiến Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Dư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 710/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 804/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Số nhà 279 đường NH, khu phố DLN, thị trấn BD, huyện PM, tỉnh BD. (có mặt)

**- Bị đơn:**

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn VA, xã MC, huyện PM, tỉnh BD. (có mặt)

+ Ông Đặng Văn T, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn VA, xã MC, huyện PM, tỉnh BD. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 8 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:***

Giữa bà Nguyễn Thị N và vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị P có mối quan hệ quen biết nhau. Ngày 19 tháng 7 năm 2017 âm lịch, vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị P có vay của N số tiền 530.000.000 đồng để về sửa chữa xe ô tô. Khi vay tiền vợ chồng ông T, bà P có viết giấy mượn tiền; thời hạn vay 01 năm; không có lãi suất. Đã hết thời hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông T, bà P không trả số tiền trên cho N. Do đó, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà P trả dứt điểm số tiền 530.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi suất theo quy định của pháp luật.

***- Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 12 năm 2021, bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:***

Ngày 19 tháng 7 năm 2017 âm lịch, vợ chồng bà Nguyễn Thị P, ông Đặng Văn T có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 530.000.000 đồng. Khi vay tiền của bà N, vợ chồng bà P có viết giấy, thời hạn vay 01 năm, vay không có lãi suất, mục đích vay là về sửa chữa xe ô tô bị tai nạn. Đến năm 2018, vợ chồng bà P, ông T đã trả cho bà N được số tiền 70.000.000 đồng, hiện nay còn nợ của bà N số tiền 460.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ng yêu cầu vợ chồng bà P, ông T trả dứt điểm số tiền 530.000.000 đồng thì bà P không chấp nhận. Bà P xác định hiện nay còn nợ của bà N số tiền 460.000.000 đồng, nhưng điều kiện làm ăn khó khăn, xin trả dần mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bà Nguyễn Thị P xác định: chữ viết trong giấy mượn tiền lập ngày 19/7/2017 âm lịch do bà Nguyễn Thị N cung cấp là của bà P; chữ ký tắt và chữ ký dạng chữ viết “Đặng Văn T” dưới mục người mượn tiền là của ông Đặng Văn T; chữ ký tắt và chữ ký dạng chữ viết “Nguyễn Thị P” dưới mục người mượn tiền là của bà Nguyễn Thị P.

- Bị đơn ông Đặng Văn T có nơi cư trú tại thôn VA, xã MC, huyện PM, tỉnh BD (là chồng của bà Nguyễn Thị P) đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng ông Đặng Văn T không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nói trên và rút yêu cầu tính lãi suất; bị đơn bà Nguyễn Thị P xác định hiện nay vợ chồng còn nợ của bà N số tiền 530.000.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bị đơn ông Đặng Văn T vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” và bị đơn cư trú tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả dứt điểm cho bà Nguyễn Thị N số tiền 530.000.000 đồng và không tính lãi. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về tố tụng:*

[1.1] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn ông Đặng Văn T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông T.

[1.2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và người bị kiện cư trú tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

#### *[2] Về nội dung vụ án:*

[2.1] Căn cứ vào các lời khai của bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị P cùng với tài liệu, chứng cứ là giấy mượn tiền lập ngày 19/7/2017 âm lịch mà bà Nguyễn Thị N đã cung cấp, có cơ sở xác định:

Giữa vợ bà Nguyễn Thị N và vợ chồng bà Nguyễn Thị P, ông Đặng Văn T có mối quan hệ quen biết nhau.

Tại phiên toà bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị P xác định thống nhất: Ngày 19/7/2017 âm lịch, vợ chồng bà Nguyễn Thị P, ông Đặng Văn T vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 530.000.000 đồng, mục đích vay tiền để về sửa chữa xe bị tai nạn. Hiện nay vợ chồng ông T, bà P còn nợ bà N số tiền 530.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị P thừa nhận chữ viết trong giấy mượn tiền lập ngày 19/7/2017 âm lịch do bà Nguyễn Thị N cung cấp là của bà P; chữ ký tắt và chữ ký dạng chữ viết “Đặng Văn T” dưới mục người mượn tiền là của ông Đặng Văn T; chữ ký tắt và chữ ký dạng chữ viết “Nguyễn Thị P” dưới mục người mượn tiền là của bà Nguyễn Thị P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến vụ án cho ông Đặng Văn T, nhưng ông T không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N gửi đến Tòa án và cũng không đến Tòa án để làm việc. Trong giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên toà, ông T vắng mặt, điều này thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật và nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 19/7/2017 âm lịch, vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị P vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 530.000.000 đồng; mục đích vay để về sửa chữa xe ô tô bị tai nạn. Hiện nay, vợ chồng ông T, bà P còn nợ bà N số tiền 530.000.000 đồng.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ của bà Nguyễn Thị N: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị P trả dứt điểm một lần số tiền 530.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận.

[3] Về tính lãi suất: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Về đề nghị hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị P phải chịu 25.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

2. Buộc vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả dứt điểm cho bà Nguyễn Thị N số tiền 530.000.000 đồng (*số tiền bằng chữ: Năm trăm ba mươi triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị P phải chịu 25.200.000 đồng (*số tiền bằng chữ: hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả 12.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA-2021/0008444 ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

4. Về quyền kháng cáo: Bà N, bà P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND H.Phù Mỹ;
- Các đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS H.Phù Mỹ;
- Lưu VP-HSVA.

**Võ Bá Tùng**